

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Lê Thị Kim L, sinh năm: 1999; Nơi thường trú: Xã HX, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Anh Nguyễn Anh T, sinh năm: 1990; Nơi thường trú: Xã HX, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày: 30/4/2017 và Nguyễn Lê Minh Kh, sinh ngày: 19/6/2019 theo đơn yêu cầu của anh Nguyễn Anh T: Bà Huỳnh Thị N Trinh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 07 tháng 5 năm 2024 chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Anh T cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Quá trình vận động hòa giải, chị L và anh T thống nhất thuận tình ly hôn và không yêu cầu đoàn tụ vợ chồng; Tòa án nhân dân huyện NĐ đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vào ngày 16/5/2024. Chị L đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự theo thỏa thuận giữa chị với anh T. Do đó, đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị L và anh T được Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

## **[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Hòa cũ (nay là xã HX), huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 15 tháng 11 năm 2017 (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 26). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị L và anh T thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, khuyên bảo nhưng giữa hai vợ chồng cũng không tự hàn gắn để chung sống với nhau. Xét thấy, chị L và anh T tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Anh T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 30/4/2017 và cháu Nguyễn Lê Minh Kh, sinh ngày 19/6/2019. Hai vợ chồng đã thỏa thuận là giao cháu Nguyễn Lê Bảo N và cháu Nguyễn Lê Minh Kh cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Lê Thị Kim L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một người con mỗi tháng là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng/01 cháu (02 cháu x 2.500.000 đồng = 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/01 tháng) kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Lê Bảo N và cháu Nguyễn Lê Minh Kh đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Anh T đều khai không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về nghĩa vụ trả nợ chung: Chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Anh T đều khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Anh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày: 30/4/2017 và Nguyễn Lê Minh Kh, sinh ngày: 19/6/2019 cho cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18

tuổi); chị Lê Thị Kim L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một người con mỗi tháng là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng/01 cháu (02 cháu x 2.500.000 đồng = 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/01 tháng) kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Lê Bảo N và cháu Nguyễn Lê Minh Kh đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị Kim L chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng chị L còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Anh T đều khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ trả nợ chung: Chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Anh T đều khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Lê Thị Kim L tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002292 ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị L đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ND;
- Chi cục THADS huyện ND;
- UBND xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Mạnh**